



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *9424*/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030.

UBND tỉnh Đồng Nai xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện, có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 60% năm 2025, đạt 65% năm 2030; giảm 2/3 số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn;

b) 85% cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập vào năm 2025, đạt 95% năm 2030;

c) 100% cấp xã tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế.

d) 100% cấp huyện có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện các biện pháp tránh thai lâm sàng; hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến xã;

đ) 100% cấp xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi: Thực hiện trên 170 xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh.

2. Đối tượng

a) Đối tượng thụ hưởng: Nam nữ trong độ tuổi sinh đẻ, chú trọng vị thành niên, thanh niên, người lao động tại khu công nghiệp, khu kinh tế.

b) Đối tượng tác động: Người dân của tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách; quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật

a) Triển khai thực hiện các quy định về cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại địa phương. Ban hành cơ chế, chế độ chi theo thẩm quyền quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình; nghiên cứu, phân tích thị trường kịp thời, đề xuất giải pháp phù hợp về kế hoạch hóa gia đình; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn.

c) Triển khai các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

2. Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Định kỳ cung cấp thông tin, vận động cấp ủy, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ nguồn lực. Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

b) Đa dạng hóa các loại hình truyền thông, chú trọng kênh thông tin đại chúng; các sản phẩm truyền thông phù hợp với địa phương. Tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại, internet, mạng xã hội trong tuyên truyền, vận động về kế hoạch hóa gia đình; lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các Chương trình, Đề án khác;

c) Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi;

d) Tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

a) Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở các cấp; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

b) Đào tạo lại, đào tạo liên tục cho người cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng;

c) Mở rộng các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập; ứng dụng công nghệ thông

tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn;

d) Thí điểm mô hình hỗ trợ sinh sản, dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh;

đ) Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (LMIS);

e) Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về công tác kế hoạch hóa gia đình; kiểm tra chất lượng phương tiện tránh thai, cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực thực hiện kế hoạch

Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia kế hoạch; huy động toàn bộ hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao, ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.

5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Chủ động, tích cực hội nhập, tăng cường hợp tác trong lĩnh vực kế hoạch hóa gia đình, ủng hộ và tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các tổ chức, cá nhân; đẩy mạnh hợp tác kỹ thuật, đào tạo, trao đổi chuyên gia, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác; lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đẩy mạnh xã hội hóa các phương tiện tránh thai và theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền vận động thay đổi hành vi, nghiên cứu khoa học và hợp tác trong lĩnh vực kế hoạch hóa gia đình.

- Kiểm tra, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế (Tổng cục Dân số - KHHGĐ) theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

3. Ban Dân tộc

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, đơn vị liên quan các địa phương triển khai các chương trình, đề án, dự án về củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đối với vùng đồng bào dân tộc.

4. Sở Tài chính

Chịu trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

5. Các sở, ban, ngành, hội, hội nghề nghiệp liên quan tham gia thực hiện kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa

Chỉ đạo việc xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch này; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án khác có liên quan ở địa phương.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện kế hoạch.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố căn cứ nội dung kế hoạch này, xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện có hiệu quả; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá, tổng kết kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện; báo cáo việc triển khai thực hiện kế hoạch và kết quả đạt được gửi Sở Y tế tổng hợp (trước ngày 01 tháng 12 hằng năm) báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- TT.TU, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Ban TG.TU;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể CT-XH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS, THNC, Công TTĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng